

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày: 28/02/2025

V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 393/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Địa chỉ: B ấp C, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961; (vắng mặt)

Cư trú: 347A ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2024, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Do có quen biết và ở cùng xóm nên ngày 17/4/2024, ông Nguyễn Văn L có cho ông Nguyễn Văn B vay số tiền 47.500.000 đồng. Khi vay tiền, ông B có viết biên nhận nợ ngày 17/4/2024 do ông B tự lập và ký tên. Sau đó, ông L đã đưa đủ cho ông B số tiền 47.500.000 đồng ngay sau khi ông B viết biên nhận nợ. Ông B cam kết trong vòng 01 tháng thì ông B sẽ trả tiền cho ông L. Tuy nhiên, đến nay mặc dù ông L đã nhiều lần yêu cầu ông B trả tiền nhưng ông B không thực hiện, điều này đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L.

Do đó, nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông B có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 47.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông L không còn yêu cầu nào khác. Do bận công việc, ông L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết toàn bộ vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông B vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: căn cứ đơn khởi kiện 29/8/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn B trả tiền vay còn thiếu, việc giao dịch tiền giữa các bên xảy ra vào năm 2024, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn ông Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Đối chiếu điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: ông Nguyễn Văn L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 23/01/2025. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông B theo đúng quy định tại các điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông B vắng mặt. Việc ông B vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L và ông B theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, thấy rằng:

[2.1] Tại Biên nhận nợ ngày 17/4/2024 có nội dung như sau: "*Tôi tên Nguyễn Văn B có mượn của em Nguyễn Văn L số tiền 47.500.000 (bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn); 17/4/2024; Bé Nguyễn Văn B*". Như vậy, việc vay tiền giữa ông L với ông B được lập thành văn bản. Khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“*Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*”; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*" Đối chiếu các quy định nêu trên, xét thấy Biên nhận nợ ngày 17/4/2024 đáp ứng đủ yếu tố về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015 gồm: yếu tố chủ thể, tính tự nguyện của các bên tham gia giao dịch, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của xã hội, do đó Biên nhận nợ ngày 17/4/2024 có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, ông L đã gửi cho ông B bản sao hồ sơ khởi kiện, đồng thời Tòa án cũng đã triệu tập ông B nhiều lần để ghi nhận ý kiến của ông B đối với yêu cầu khởi kiện của ông L nhưng ông B vắng mặt cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông L. Từ các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông L cho ông B vay số tiền 47.500.000 đồng là có thật. Căn cứ các điều 280, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, ông L khởi kiện yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền vay 47.500.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: ông L không yêu cầu ông B trả tiền lãi nên không xem xét. Xét đây là ý chí tự nguyện của ông L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Ông L không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên ông B có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 2.375.000 đồng. Ông B là người cao tuổi thuộc diện được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuy nhiên ông B không có đơn đề nghị nên không được xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", cụ thể như sau:

Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 47.500.000 (bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L không yêu cầu tính lãi của số tiền nêu trên từ ngày 17/4/2024 đến ngày xét xử.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 2.375.000 (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.188.000 (một triệu một trăm tám mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005427 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thanh Như